

# CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH VỤ LÚA HÈ THU VÀ THU ĐÔNG CỦA NÔNG HỘ TRỒNG LÚA TỈNH SÓC TRĂNG

## FACTORS AFFECTING THE FINANCIAL EFFICIENCY OF SUMMER - AUTUMN AND AUTUMN - WINTER RICE CROPS IN SOC TRANG PROVINCE

Trịnh Anh Khoa<sup>1</sup>

**Tóm tắt** – Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính của vụ Hè Thu và vụ Thu Đông dựa trên bộ dữ liệu khảo sát 167 nông hộ trồng lúa tỉnh Sóc Trăng. Kết quả nghiên cứu cho thấy ba chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính của vụ Thu Đông cao hơn của vụ Hè Thu, tuy nhiên mức chênh lệch không cao. Các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính của vụ Hè Thu theo mô hình ước lượng bao gồm: chi phí phân bón, chi phí thuốc bảo vệ thực vật, chi phí thu hoạch, chi phí thuê lao động, chi phí tưới tiêu, chi phí khấu hao máy móc thiết bị (tương quan nghịch) và diện tích đất canh tác (tương quan thuận). Đối với vụ Thu Đông, yếu tố chi phí phân bón, chi phí thuốc bảo vệ thực vật, chi phí thu hoạch, chi phí thuê lao động có tác động tiêu cực đến hiệu quả tài chính, trong khi, diện tích đất canh tác, học vấn và kinh nghiệm của chủ hộ có tác động tích cực đến hiệu quả tài chính của vụ lúa này.

**Từ khóa:** hiệu quả tài chính, nông hộ trồng lúa, vụ Hè Thu, vụ Thu Đông.

**Abstract** – This article aims at presenting the research results on determinants affecting the financial efficiency of Summer-Autumn and Autumn-Winter crops based on the data collected from 167 rice farmers in Soc Trang province. The results showed that three indicators presenting the financial efficiency of Autumn-Winter rice

crop were higher than that of Summer-Autumn rice crop. The factors affecting the financial efficiency of Summer-Autumn rice crop included the cost of fertilizer, the cost of pesticides, the cost of harvesting, the cost of hiring labor, the cost of irrigation, the cost of depreciation of machinery and equipment (negative correlation), and cultivated land area (positive correlation). For Autumn-Winter the cost of fertilizer, pesticides, harvesting costs and labor costs had a negative impact on financial performance, while the cultivated land area, the educational level and experience of the household's head had a positive impact on the financial efficiency of this crop.

**Keywords:** financial efficiency, rice farmer, Summer-Autumn rice crop, Autumn-Winter rice crop.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sóc Trăng là một tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với diện tích tự nhiên 3.223km<sup>2</sup>, 80,84% diện tích đất được dùng vào sản xuất nông nghiệp, trong đó, đất trồng lúa chiếm 75,50% diện tích đất nông nghiệp. Cơ cấu dân số của tỉnh ngoài người Kinh chiếm tỉ lệ đa số còn có các dân tộc khác cùng chung sống, trong đó người Khmer chiếm 28,9%, người Hoa chiếm 5,9% [1]. Những năm gần đây, tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện tốt chính sách về công tác xóa đói, giảm nghèo, góp phần từng bước nâng cao đời sống người dân trong tỉnh. Một trong những chính sách đó là tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp, đổi mới hướng canh tác và nâng cao mức sinh lợi của hoạt động canh tác nông nghiệp mà chủ yếu là cây lúa.

<sup>1</sup>Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.  
Email: takhoastcc@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/5/2017; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 24/7/2017; Ngày chấp nhận đăng: 02/10/2017

Tuy nhiên, nhiều hộ trồng lúa chủ yếu chỉ sản xuất lúa theo hướng độc canh hai vụ hoặc ba vụ. Trong ba vụ lúa, vụ Hè Thu và vụ Thu Đông có năng suất tương đương nhau và điều kiện canh tác cũng tương đồng và vụ Thu Đông thường được chọn thay thế trong các mô hình luân canh lúa màu [2]. Điều đáng lưu ý là trong nhiều trường hợp, hiệu quả của vụ lúa Thu Đông lại cao hơn vụ lúa Hè Thu nên việc lựa chọn thay thế vụ lúa Thu Đông sẽ ảnh hưởng đến tổng hiệu quả tài chính của các mô hình canh tác lúa. Vì vậy, việc tìm hiểu, phân tích và so sánh hiệu quả tài chính của hai vụ lúa Hè Thu và Thu Đông là rất quan trọng nhằm đưa ra quyết định lựa chọn vụ lúa để thay thế trong các mô hình luân canh là rất cần thiết. Bài viết này nhằm mục tiêu trình bày kết quả nghiên cứu, phân tích, so sánh và xác định các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính vụ lúa Hè Thu và Thu Đông của nông hộ trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học cho việc đề ra các giải pháp nhằm nâng cao năng suất và lợi nhuận, cải thiện đời sống của nông hộ trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

## II. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

### A. Hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa

Có nhiều chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả tài chính nhưng chủ yếu các chỉ tiêu này được ứng dụng rộng rãi trong đánh giá hiệu quả tài chính của doanh nghiệp. Nhiều nghiên cứu đã điều chỉnh và phát triển những chỉ tiêu này để ứng dụng trong ngành nông nghiệp. Hiệu quả tài chính của việc sản xuất lúa có thể được thể hiện qua nhiều chỉ tiêu như: lợi nhuận/tổng chi phí và lợi nhuận/tổng thu [3], [4], [5], thu nhập/chi phí [6], [5]. Trong đó:

Tổng chi phí là tất cả các khoản đầu tư mà nông hộ bỏ ra trong quá trình sản xuất được quy đổi ra giá trị tiền tệ (nghìn đồng/ha), bao gồm: chi phí cho việc làm đất, chi phí giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tưới tiêu, khấu hao máy móc, thu hoạch, tiền thuê lao động.

Tổng thu là tích của giá bán bình quân và năng suất bình quân được tính bằng đơn vị nghìn đồng/ha.

Lợi nhuận là chênh lệch giữa tổng thu và tổng chi phí được tính bằng đơn vị nghìn đồng/ha.

Ba chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá hiệu quả tài chính phản ánh một cách đầy đủ về chi phí, thu nhập cũng như thu nhập ròng của nông hộ trồng lúa. Trong ba chỉ tiêu trên, có thể nói, chỉ tiêu lợi nhuận/tổng thu được sử dụng rộng rãi nhất vì thông qua chỉ tiêu này có thể đánh giá được tỉ trọng lợi nhuận mà người nông dân có được và tỉ trọng chi phí bỏ ra để thu được lợi nhuận. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ tính toán cả ba chỉ tiêu nhưng sẽ sử dụng chỉ tiêu lợi nhuận/tổng thu trong mô hình hồi quy xác định các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa.

### B. Các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa

Các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa có thể chia ra làm hai nhóm chính: nhóm các yếu tố thuộc về chi phí và nhóm các yếu tố hỗ trợ sản xuất nhằm làm tăng năng suất, tiết giảm chi phí.

Các loại chi phí chủ yếu trong sản xuất có thể kể đến bao gồm: chi phí làm đất, chi phí giống, chi phí phân bón, chi phí thuốc bảo vệ thực vật và chi phí lao động. Các nhóm chi phí này đều được đưa vào trong nghiên cứu của [7], [6], [4], [2], [8] và có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế hay hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa. [2] và [8] còn bổ sung thêm chi phí khác nói chung cho các chi phí không được liệt kê trong các nhóm chi phí đã nêu. [9] nêu cụ thể các chi phí khác bao gồm chi phí tưới tiêu và chi phí máy móc.

Các yếu tố hỗ trợ sản xuất được đưa vào nghiên cứu của [5], [10] bao gồm diện tích đất canh tác, kinh nghiệm làm ruộng và học vấn của nông hộ. Với diện tích đất canh tác càng cao, nông hộ sẽ tận dụng được tính kinh tế theo quy mô, làm tăng năng suất. Học vấn và kinh nghiệm của nông hộ càng cao sẽ càng giúp họ chủ động trong sản xuất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật và chủ động phòng chống sâu bệnh, giúp giảm chi phí và tăng năng suất lúa. Trong nghiên cứu này, các yếu tố thuộc về chi phí sản xuất được kế thừa từ các nghiên cứu trước đây. Tuy nhiên, các loại chi phí sẽ được trình bày chi tiết hơn các nghiên cứu trước tạo thuận lợi cho việc đề xuất các giải pháp dựa trên kết quả của mô hình hồi quy. Bên cạnh đó, ba yếu tố hỗ trợ sản xuất từ một số nghiên cứu trước

đây cũng được đưa vào khảo sát nhằm đánh giá tác động của trình độ học vấn cũng như kinh nghiệm sản xuất đến hiệu quả sản xuất. Các yếu tố này vốn ít được chú trọng trong nhiều nghiên cứu đánh giá hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa của nông hộ.

### III. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### A. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát trực tiếp 180 nông hộ trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo phương pháp ngẫu nhiên. Địa bàn nghiên cứu được lựa chọn là ba huyện Châu Thành, Mỹ Xuyên và Long Phú. Những thông tin thu thập bao gồm: các đặc điểm nhân khẩu học của nông hộ, năng suất bình quân, giá bán, các loại chi phí sản xuất lúa của nông hộ canh tác lúa vụ Hè Thu và vụ Thu Đông. Sau khi loại bỏ một số phiếu thiếu dữ liệu, số quan sát còn lại đưa vào phân tích là 167 quan sát.

#### B. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, kiểm định T-test với các chỉ tiêu: giá trị trung bình, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất, độ lệch chuẩn, tần suất để khái quát thực trạng năng suất, tổng thu, chi phí và lợi nhuận của vụ lúa Hè Thu và Thu Đông.

Trong nghiên cứu này, tác giả thống kê hiệu quả tài chính của vụ Hè Thu và Thu Đông bằng cả ba chỉ tiêu và sử dụng chỉ tiêu lợi nhuận/tổng thu làm biến phụ thuộc trong mô hình hồi quy xác định các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính của hai vụ lúa.

Nghiên cứu [7] đo lường và đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong sản xuất lúa bằng hàm Cobb-Douglas như sau:

$$Y = \log A + b_i \log X_i$$

Từ hàm sản xuất Cobb-Douglas, chúng ta có thể xây dựng được hàm lợi nhuận tương ứng [2], [9]. Trong nghiên cứu này, để đo lường tác động của các yếu tố đến hiệu quả tài chính đạt được, mô hình hồi quy tuyến tính được ứng dụng nhằm xác định các yếu tố tác động: chi phí, học vấn, diện tích canh tác và kinh nghiệm đến hiệu quả

tài chính (thể hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận/ tổng thu) của hai vụ lúa này.

Mô hình hồi quy tuyến tính có dạng:  $Y = \alpha + \alpha_1 LDat + \alpha_2 Giong + \alpha_3 Phan + \alpha_4 Thuoc + \alpha_5 TTieu + \alpha_6 MMoc + \alpha_7 THoach + \alpha_8 LDong + \alpha_9 DTich + \alpha_{10} Knghiem + \alpha_{11} Hocvan + e_i$

Với, Y là lợi nhuận/ tổng thu của vụ Hè Thu/ Thu Đông đạt được (nghìn đồng/ha),  $\alpha$  là các hệ số tương quan, Ldat, Giong, Phan, Thuoc, Ttieu, MMoc, Thoach, LDong lần lượt là chi phí làm đất, giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tưới tiêu, khấu hao máy móc, thu hoạch, tiền thuê lao động cho việc sản xuất lúa. Dtich, Knghiem, Hocvan lần lượt là diện tích đất canh tác, kinh nghiệm và học vấn của chủ hộ. Các yếu tố này được đưa vào mô hình với kì vọng, diện tích đất canh tác càng lớn, chủ hộ có nhiều kinh nghiệm và học vấn cao sẽ có những phương pháp canh tác hiệu quả, áp dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất giúp giảm chi phí, tăng năng suất và lợi nhuận, từ đó, làm tăng hiệu quả tài chính của nông hộ.

### IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### A. Thực trạng sản xuất lúa vụ Hè Thu và Thu Đông tại Sóc Trăng

Thống kê đặc điểm của nông hộ trong bảng 1 cho thấy, độ tuổi trung bình của nông hộ là 48,36 tuổi, chủ hộ có độ tuổi thấp nhất là 26 tuổi và chủ hộ lớn nhất có độ tuổi 80. Với kết cấu độ tuổi như vậy, chủ hộ sẽ có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc quản lí hoạt động sản xuất, có nhiều sáng tạo hơn trong lao động và có sức khỏe tốt hơn, đây chính là độ tuổi thích hợp cho nông hộ trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Hộ có trình độ học vấn cao nhất là lớp 12 và có nông hộ mà chủ hộ không biết chữ. Học vấn trung bình của các nông hộ trong mẫu dữ liệu nghiên cứu là lớp 5 -6. Với trình độ trung bình này, chủ hộ có thể tiếp cận được thông tin tốt. Nhìn chung, học vấn trung bình của nông hộ trong mẫu nghiên cứu ở mức tương đối.

Diện tích đất canh tác của mỗi hộ cũng có sự chênh lệch rất lớn. Hộ có diện tích đất canh tác lớn nhất lên đến 15 ha trong khi hộ có diện tích đất canh tác ít nhất chỉ là 0,13 ha. Trung bình mỗi nông hộ có diện tích đất canh tác khoảng 1,97 ha. Nhìn chung, giá trị đất canh tác trung bình

Bảng 1. Diễn giải các biến độc lập và kì vọng trong mô hình hồi quy

Biến độc lập ( $X_i$ )	Đơn vị tính	Cơ sở lý thuyết	Kì vọng
Chi phí làm đất	nghìn đồng/ha		-
Chi phí giống	nghìn đồng/ha	Phạm Văn Hùng [8]; Đỗ Văn Xê [6]; Phạm Lê Thông [2]	-
Chi phí phân bón	nghìn đồng/ha		-
Chi phí thuốc	nghìn đồng/ha	David T A et al. [7]; La Nguyễn Thùy Dung và cộng sự [4]	-
Chi phí thu hoạch	nghìn đồng/ha		-
Chi phí lao động	nghìn đồng/ha		-
Chi phí tưới tiêu	nghìn đồng/ha	Phạm Văn Hùng [8]; Phạm Lê Thông [2]; Nay M A [9]	-
Chi phí máy móc	nghìn đồng/ha		-
Diện tích đất	Hecta		+
Kinh nghiệm	Năm	Lê Xuân Thái [5]; Nguyễn Tiến Dũng và cộng sự [10]	+
Học vấn	Lớp		+

1,97 ha đáp ứng được yêu cầu cho hoạt động sản xuất đất nông nghiệp. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn của diện tích đất canh tác giữa các nông hộ cũng khá lớn (1,9 ha).

Bảng 2. Đặc điểm nông hộ trong mẫu dữ liệu nghiên cứu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trung bình	Lớn nhất	Nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn
Tuổi	Năm	48,36	80	26	10,24
Trình độ	Lớp	5,15	12	0	3,41
Diện tích	Hecta	1,97	15	0,13	1,90

(Nguồn: Dữ liệu điều tra thực tế của tác giả năm 2016 – 2017)

Kết quả thống kê năng suất, tổng thu, tổng chi và lợi nhuận vụ Hè Thu và Thu Đông trong Bảng 2 cho thấy: giá trị trung bình của các chỉ tiêu năng suất, tổng thu, tổng chi và lợi nhuận của vụ Thu Đông cao hơn so với vụ Hè Thu. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Năng suất trung bình của vụ Thu Đông đạt 6,24 tấn/ha cao hơn năng suất trung bình của vụ Hè Thu khoảng 0,97%. Tổng thu trung bình của vụ Thu Đông cũng cao hơn so với vụ Hè Thu khoảng 1,3 triệu đồng/ha (tương đương 4,76%). Tổng chi phí cho vụ Thu Đông cao hơn tổng chi phí cho vụ Hè Thu không nhiều, khoảng 2,12%. Do đó, xét về lợi nhuận trung bình của vụ Thu Đông cao hơn so với vụ Hè Thu khoảng 980.000 đồng (tương đương 8,42%). Sự chênh lệch về lợi nhuận chủ

yếu do năng suất của vụ Thu Đông cao hơn năng suất vụ Hè Thu.

Bảng 3. Năng suất, tổng thu, tổng chi và lợi nhuận vụ Hè Thu và Thu Đông

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hè Thu	Thu Đông	T-test (Sig. 2-tailed)
Năng suất	Tấn/ha	6,18	6,24	,000
Tổng thu	Nghìn đồng/ha	27712,32	29029,96	,000
Tổng chi	Nghìn đồng/ha	16116,80	16458,11	,000
Lợi nhuận	Nghìn đồng/ha	11595,52	12571,85	,000

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu điều tra thực tế của tác giả 2016 – 2017)

Cơ cấu chi phí trong tổng chi phí của vụ Thu Đông và vụ Hè Thu có sự tương đồng. Trong tổng chi phí sản xuất cả hai vụ, chi phí cho giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chi phí thu hoạch chiếm tỉ trọng 83,06% tổng chi phí vụ Hè Thu và 83,75% tổng chi phí vụ Thu Đông. Sự kém biến động này có thể do nông dân sử dụng liều lượng theo công thức riêng của mình được hình thành theo kinh nghiệm nhiều năm. Công thức này thường được áp dụng một cách cứng nhắc từ vụ này đến vụ khác [2]. Chi phí cho phân bón và thuốc bảo vệ thực vật đều chiếm trên 56% tổng chi phí của cả hai vụ lúa. Đây là những chi phí thiết yếu trong hoạt động sản xuất lúa nói chung. Chi phí lao động và chi phí khấu hao máy móc

thiết bị sử dụng trong sản xuất lúa chiếm tỉ trọng khá nhỏ trong tổng chi phí (5,38% trong vụ Hè Thu và 4,5% trong vụ Thu Đông) cho thấy một thực tế là nông dân vẫn còn sử dụng chủ yếu sức lao động trong gia đình thay vì thuê mướn hay sử dụng máy móc trong sản xuất.

Bảng 4. Cơ cấu chi phí của vụ lúa Hè Thu và Thu Đông

ĐVT: Nghìn đồng/ha

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hè Thu	Thu Đông	T-test (Sig. 2-tailed)
Năng suất	Tấn/ha	6,18	6,24	,000
Tổng thu	Nghìn đồng/ha	27712,32	29029,96	,000
Tổng chi	Nghìn đồng/ha	16116,80	16458,11	,000
Lợi nhuận	Nghìn đồng/ha	11595,52	12571,85	,000

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu điều tra thực tế của tác giả 2016 – 2017)

Hiệu quả tài chính là yếu tố quan trọng mà nông hộ căn cứ vào để quyết định duy trì mô hình sản xuất hiện tại hoặc chuyển đổi mô hình sản xuất trên đất lúa. Giá trị trung bình của ba chỉ tiêu tổng thu/ tổng chi, lợi nhuận/ tổng chi và lợi nhuận/ tổng thu của vụ Thu Đông đều cao hơn so với vụ Hè Thu và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Cụ thể, tổng thu của vụ Thu Đông cao hơn tổng chi khoảng 78% trong khi tổng thu của vụ Hè Thu cao hơn tổng chi khoảng 75%. Lợi nhuận chiếm khoảng 40% tổng thu đối với vụ Hè Thu và vụ Thu Đông. Nhìn chung, sự chênh lệch về cả ba chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính của vụ Hè Thu và vụ Thu Đông là không quá lớn nhưng có ý nghĩa trong việc quyết định lựa chọn vụ lúa để thay thế trong các mô hình luân canh. Xét về mặt hiệu quả tài chính, vụ Thu Đông có phần cao hơn so với vụ Hè Thu.

#### B. Các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính vụ lúa Hè Thu và Thu Đông

Kết quả mô hình hồi quy xác định các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính vụ Hè Thu và Thu Đông của nông hộ trồng lúa đồng bào tỉnh Sóc Trăng được trình bày trong Bảng 5 và Bảng

Bảng 5. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính

ĐVT: lần

Chỉ tiêu	Hè Thu	Thu Đông	T-test (Sig. 2-tailed)
Tổng thu/Tổng chi	1,75	1,78	,000
Lợi nhuận/Tổng chi	0,75	0,78	,000
Lợi nhuận/Tổng thu	0,40	0,40	,000

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu điều tra thực tế của tác giả 2016 – 2017)

6. Kiểm định đa cộng tuyến (VIF<2) và tự tương quan ( $DU < \text{giá trị Durbin-Watson tra bảng} < 4 - dL$ ) cho thấy hai mô hình là phù hợp, không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến và tự tương quan giữa các biến độc lập [11]. Các biến độc lập giải thích được 39,6% sự thay đổi hiệu quả tài chính của vụ Hè Thu và 46,5% sự thay đổi hiệu quả tài chính của vụ Thu Đông.

Đối với mô hình xác định các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính của vụ Hè Thu, có sáu yếu tố có mối tương quan nghịch với hiệu quả tài chính là chi phí phân bón, chi phí thuốc bảo vệ thực vật, chi phí tưới tiêu, chi phí khấu hao máy móc, chi phí thu hoạch và chi phí lao động và một yếu tố có tương quan thuận với hiệu quả tài chính là diện tích đất canh tác với độ tin cậy từ 90% đến 99%. Chi phí làm đất có tương quan nghịch trong khi chi phí giống, học vấn và kinh nghiệm của chủ hộ có tương quan thuận với hiệu quả tài chính nhưng không có ý nghĩa thống kê trong nghiên cứu này.

Mô hình xác định các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính của vụ Thu Đông có ba yếu tố có tương quan thuận với hiệu quả tài chính và có ý nghĩa thống kê là diện tích đất canh tác, học vấn và kinh nghiệm của chủ hộ. Bốn yếu tố chi phí phân bón, chi phí thuốc bảo vệ thực vật, chi phí thu hoạch và chi phí thuê lao động có tương quan nghịch với hiệu quả tài chính và có ý nghĩa thống kê. Độ tin cậy của các kiểm định đạt từ 90% đến 99%.

Phân bón và thuốc bảo vệ giữ vai trò quan trọng trong sản xuất lúa, góp phần quan trọng trong việc tăng năng suất. Tuy nhiên, việc sử

Bảng 6. Mô hình hồi quy các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính vụ Hè Thu

Model	Unstandardized		Standardized	t	Sig.	VIF
	Coefficients		Coefficients			
	B	Std. Error	Beta			
(Constant)	,916	,073		12,612	,000	
LDat1	-5,895E-6	,000	-,013	-,237	,813	1,166
Giong1	2,699E-6	,000	,015	,266	,791	1,075
Phan1	-3,913E-5	,000	-,382	-6,393	,000	1,286
Thuoc1	-2,379E-5	,000	-,217	-3,857	,000	1,142
TTieu1	-3,926E-5	,000	-,149	-2,576	,011	1,208
MMoc1	,000	,000	-,117	-2,105	,037	1,114
THoach1	-7,730E-5	,000	-,379	-6,563	,000	1,202
LDong1	-3,969E-5	,000	-,264	-4,492	,000	1,245
Dientich	,006	,003	,103	1,747	,082	1,258
Knghiem	,001	,002	,051	,873	,384	1,217
Hocvan	,003	,001	,085	1,401	,163	1,336
<b>R Square</b>						,396
<b>Sig. F Change</b>						,000
<b>Durbin-Watson</b>						1,922

(Nguồn: Kết quả mô hình hồi quy từ SPSS)

Bảng 7. Mô hình hồi quy các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính vụ Thu Đông

Model	Unstandardized		Standardized	t	Sig.	VIF
	Coefficients		Coefficients			
	B	Std. Error	Beta			
(Constant)	,919	,080		11,470	,000	
Hocvan	,007	,002	,183	2,983	,003	1,245
Knghiem	,001	,001	,119	2,017	,045	1,150
Dientich	,007	,004	,106	1,712	,089	1,262
LDat2	-5,938E-	,000	-,012	-,201	,841	1,186
Giong2	-1,576E-5	,000	-,078	-1,360	,176	1,100
Phan2	-3,796E-5	,000	-,321	-5,206	,000	1,261
Thuoc2	-2,205E-5	,000	-,177	-2,966	,003	1,173
TTieu2	-2,092E-6	,000	-,008	-,129	,897	1,182
MMoc2	9,543E-5	,000	,047	,793	,429	1,146
THoach2	-9,928E-5	,000	-,445	-7,511	,000	1,164
LDong2	-3,848E-5	,000	-,445	-3,962	,000	1,234
<b>R Square</b>						,465
<b>Sig. F Change</b>						,000
<b>Durbin-Watson</b>						2,149

(Nguồn: Kết quả mô hình hồi quy từ SPSS)

dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật quá liều sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất lúa [2]. Trong vụ Hè Thu và Thu Đông, điều kiện thời tiết tương đối bất lợi cho việc sản xuất lúa nên nông hộ thường có xu hướng bón thêm nhiều phân bón, sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật với kì vọng sẽ nâng cao được sự phát triển của cây lúa. Tuy nhiên, việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật quá liều lượng, không đúng kĩ thuật cộng với điều kiện mưa nhiều làm thất thoát, tạo điều kiện cho sâu rầy phát triển [12] nên không làm tăng năng suất mà ngược lại làm tăng chi phí, từ đó làm giảm hiệu quả tài chính của nông hộ.

Trong quá trình sản xuất, việc sử dụng các loại máy móc thiết bị đã trở nên khá phổ biến. Tuy nhiên, do canh tác trong điều kiện mưa nhiều của vụ Hè Thu và Thu Đông, nhiều vùng đất trũng thấp gây khó khăn cho việc sử dụng các loại máy gặt đập liên hợp khi thu hoạch nên nông hộ phải thuê người thu hoạch với chi phí rất cao, làm tăng chi phí thu hoạch và thuê lao động, từ đó làm tăng chi phí, giảm hiệu quả tài chính. Bên cạnh đó, do tập quán canh tác nhỏ lẻ, sử dụng các giống lúa không đồng nhất dẫn đến sự chênh lệch về thời gian thu hoạch, khó thuê mướn lao động, chi phí thu hoạch và thuê lao động cao hơn mức trung bình. Đây là những yếu tố làm giảm hiệu quả tài chính của nông hộ. Ngoài ra, do trong vụ Hè Thu và Thu Đông, điều kiện canh tác gặp nhiều bất lợi, không có đủ thời gian làm đất, dẫn đến thất thoát trong khâu gieo sạ nên nông hộ nhiều lúc phải tốn công gieo làm đất, gieo sạ lại, cấy lúa... làm phát sinh chi phí lao động nhiều hơn. Về phương diện toán học, có thể nói, lượng lao động được sử dụng lúc này đang nằm trên phần dốc xuống của đường sản lượng và năng suất biên của lao động có thể âm [13].

Riêng đối với vụ Hè Thu, hiệu quả tài chính còn chịu tác động của chi phí tưới tiêu và khấu hao máy móc thiết bị. Điều này có thể giải thích do thời tiết của vụ Hè Thu nắng nóng hơn nên nông hộ phải sử dụng máy móc để tưới tiêu nhiều, dẫn đến chi phí tưới tiêu và khấu hao của vụ lúa này cao.

Yếu tố có tác động đến hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa đáng lưu ý nhất là diện tích đất canh tác. Diện tích đất canh tác có tương quan thuận với hiệu quả tài chính của cả vụ Hè Thu và Thu Đông. Điều này hàm ý rằng, khi diện tích

đất canh tác tăng lên, nông hộ sẽ tận dụng được tính kinh tế theo quy mô, giúp giảm được chi phí vật tư, lao động, tưới tiêu so với trường hợp canh tác nhỏ lẻ. Do đó, diện tích đất canh tác cũng góp phần làm tăng hiệu quả tài chính của nông hộ.

## V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu đã xác định được những yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính của vụ lúa Hè Thu và Thu Đông tại Sóc Trăng. Hầu hết các yếu tố được đưa vào nghiên cứu đều ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của cả hai vụ lúa. Cụ thể, đối với vụ Thu Đông các yếu tố có tương quan thuận với hiệu quả tài chính bao gồm: học vấn, kinh nghiệm, diện tích đất canh tác. Trong khi các yếu tố chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tưới tiêu, thu hoạch và lao động có tác động nghịch đến hiệu quả tài chính của vụ lúa này. Đối với vụ Hè Thu, diện tích đất canh tác có tương quan thuận và các yếu tố chi phí phân bón, thuốc, tưới tiêu, máy móc, thu hoạch và lao động có tương quan nghịch với hiệu quả tài chính. Vì vậy, trong thời gian tới, để góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả canh tác lúa của nông hộ trồng lúa, tỉnh Sóc Trăng cần chú trọng đến những vấn đề sau:

Tổ chức các lớp tập huấn phổ biến kĩ thuật sản xuất, hướng dẫn sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tiết kiệm và hiệu quả để tiết giảm chi phí, tránh hiện tượng sử dụng quá liều làm ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất và lợi nhuận. Thực hiện mô hình liên kết trong sản xuất như cánh đồng mẫu lớn để giúp nông hộ tận dụng được tính kinh tế theo quy mô, tiết kiệm được chi phí tưới tiêu, chi phí thu hoạch, chi phí thuê lao động... từ đó làm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận và hiệu quả kinh tế.

Nâng cao trình độ học vấn của nông hộ, phát huy vai trò của các hội đoàn thể như là cầu nối cho các nông hộ trao đổi kinh nghiệm sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông hộ.

Điều cần lưu ý từ kết quả nghiên cứu là tác động tích cực của học vấn và kinh nghiệm của chủ hộ đến hiệu quả tài chính của nông hộ chỉ có ý nghĩa thống kê đối với vụ Thu Đông nhưng lại không có ý nghĩa thống kê trong trường hợp vụ Hè Thu. Điều này cần được kiểm định lại ở các nghiên cứu sau.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thanh Bé và cộng sự. *Tác động của phong tục tập quán đến phát triển kinh tế – xã hội cộng đồng Khmer tỉnh Sóc Trăng*; 2007. Đề tài nghiên cứu khoa học, Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ.
- [2] Phạm Lê Thông. So sánh hiệu quả kỹ thuật của vụ lúa Hè Thu và Thu Đông ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*. 2011;250:12–19.
- [3] Hà Vũ Sơn, Dương Ngọc Thành. So sánh hiệu quả tài chính giữa mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*. 2014;33:87–93.
- [4] La Nguyễn Thùy Dung, Mai Văn Nam. Phân tích hiệu quả tài chính của hộ sản xuất lúa theo mô hình liên kết với doanh nghiệp ở tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*. 2015;36:92–100.
- [5] Lê Xuân Thái. Các yếu tố ảnh hưởng thu nhập của nông hộ trong các mô hình sản xuất trên đất lúa tại tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*. 2014;35:79–86.
- [6] Đỗ Văn Xê. So sánh hiệu quả kinh tế của 2 mô hình canh tác nông nghiệp tại huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*. 2010;13:120–125.
- [7] David T A, Terwase S. Efficiency of resource use in rice farming enterprise in Kwande local government area of Benue State, Nigeria. *International Journal of Humanities and Social Science*. 2011;1:215–220.
- [8] Phạm Văn Hùng. Phương pháp xác định khả năng sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*. 2006;4&5.
- [9] Nay M A. Agricultural efficiency of rice farmers in Myanmar: a case study in selected areas. *IDE Discussion Paper – Institute of Developing Economics*. 2011;306:1–26.
- [10] Nguyễn Tiến Dũng, Lê Khương Ninh. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa của nông hộ trồng lúa Thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*. 2015;36D:116–125.
- [11] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nhà Xuất bản Hồng Đức; 2008.
- [12] Nguyễn Văn Hòa và cộng sự. *Sổ tay hướng dẫn sản xuất lúa Hè Thu 2007 các tỉnh Nam Bộ*. Nhà Xuất bản Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; 2007.
- [13] Lê Khương Ninh. *Kinh tế học vi mô*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 2008.